

Số: 11/2022/QĐST-VDS

M, ngày 07 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M – TỈNH H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Văn Khánh

Thư ký phiên họp: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên họp:
Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 10/2022/TLST- VDS ngày 24 tháng 10 năm 2022, về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2022/QĐST-VDS ngày 24/11/2022 gồm những người tham gia giải quyết việc dân sự sau đây:

- *Người yêu cầu:* Anh Lê Văn D - sinh ngày 28/10/1975 (*Trong Giấy chứng nhận kết hôn ghi sinh tháng 2/1974*); địa chỉ: B, phường T, thị xã M, tỉnh H. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Nguyễn Thị H1 - sinh ngày 17/6/1975; địa chỉ: B, phường T, thị xã M, tỉnh H. Có mặt

+ Ủy ban nhân dân (*Viết tắt: UBND*) phường T, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Khắc Quyền – Chủ tịch UBND phường T. Vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu và quá trình giải quyết việc dân sự, anh Lê Văn D - Là người yêu cầu trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T – huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND phường T, thị xã M, tỉnh H) vào ngày 27/3/1994. Tại thời điểm kết hôn anh D mới 18 tuổi 4 tháng 29 ngày chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên khi đi đăng ký kết hôn với chị H1, anh D đã khai sinh vào tháng 2/1974. Do vậy, trong

giấy chứng nhận kết hôn ghi anh Lê Văn D, sinh tháng 2/1974. Thực tế các giấy tờ như giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân, căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình đều thể hiện ngày tháng năm sinh thật của anh Lê Văn D là ngày 28/10/1975. Do không có sự thống nhất về năm sinh giữa giấy chứng nhận kết hôn và ngày tháng năm sinh thật của anh D, dẫn đến các vấn đề về thủ tục hành chính cần đứng tên hai vợ chồng không thể thực hiện được. Anh D, chị H1 đã đến UBND xã và các cơ quan liên quan để làm thủ tục thay đổi năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn nhưng không thực hiện được. Ngoài vi phạm về độ tuổi kết hôn thì anh và chị H1 không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Từ sau khi kết hôn đến nay, anh và chị H1 vẫn chung sống hòa thuận và đã có con chung, tài sản chung. Vì vậy, anh D yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã M hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lê Văn D - sinh tháng 02/1974 và chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 27/3/1994 và công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn D - sinh ngày 28/10/1975 với chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 kể từ ngày anh D đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật là ngày 29/10/1994.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 2 con chung là Lê Mạnh C, sinh ngày 28/01/1996 và Lê Minh H2, sinh ngày 20/02/2006. Anh D, chị H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:*

Chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 kết hôn với anh Lê Văn D - sinh ngày 28/10/1975 trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã T đăng ký kết hôn vào ngày 27/3/1994. Thời gian gần đây, khi vợ chồng sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn để làm thủ tục hành chính, vay mượn... cần đứng tên hai vợ chồng thì anh chị không thực hiện được. Anh, chị đã đến UBND phường T và các cơ quan liên quan để thay đổi ngày, tháng năm sinh trên giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nhưng không làm được. Ngoài việc vi phạm về độ tuổi kết hôn thì chị và anh D không có vi phạm nào khác. Từ sau khi kết hôn, chị và anh D chung sống hạnh phúc, không mâu thuẫn gì. Do vậy, chị đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật của chị và anh D và công nhận quan hệ hôn nhân của chị với anh D khi đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh, UBND phường T có quan điểm như sau:* Anh Lê Văn D có đề nghị UBND phường cải chính năm sinh trong giấy chứng nhận kết hôn, tuy nhiên UBND phường không có thẩm quyền nên anh D đã yêu cầu Tòa án

hủy kết hôn trái pháp luật. Theo sổ đăng ký kết hôn của UBND phường T thể hiện anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Anh D sinh tháng 02/1974, chị H1 sinh năm 1975. Căn cứ vào giấy tờ liên quan của anh Lê Văn D xác định anh Lê Văn D - sinh tháng 02/1974 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 27/3/1994 chính là anh Lê Văn D sinh ngày 28/10/1975 có số căn cước công dân là 030075001938 cấp ngày 02/3/2022, chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 ghi trong giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 27/3/1994 chính là chị Nguyễn Thị H1 sinh ngày 17/6/1975.

Tại phiên họp:

- Người đề nghị giữ nguyên yêu cầu nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân khi đủ điều kiện kết hôn.

- Đại diện UBND phường T, có đơn đề nghị vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự theo yêu cầu của anh Lê Văn D trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp giải quyết việc dân sự Thẩm phán và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn D. Công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn D - sinh ngày 28/10/1975 và chị Nguyễn Thị H1 - sinh ngày 17/6/1975 kể từ ngày anh D đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (ngày 29/10/1994); về lệ phí: anh Lê Văn D phải chịu 300.000đ tiền lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã M nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo pháp luật của UBND phường T đã được triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt, có đề nghị vắng mặt tại phiên họp. Xét thấy việc vắng mặt của đại diện UBND phường T không ảnh hưởng đến việc giải quyết việc dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên họp xét đơn yêu cầu vắng mặt đại diện UBND phường T, thị xã M là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu:

- *Xác định thời điểm kết hôn:* Anh D, chị H1 đều xác định kết hôn với

nhau vào ngày 27/3/1994 trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Lời khai của anh D, chị H1 phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 27/3/1994, do UBND xã T, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là Phường T, thị xã M, tỉnh H) cấp và các tài liệu, chứng cứ khác nên Tòa án có đủ cơ sở xác định anh D, chị H1 kết hôn vào ngày 27/3/1994.

- *Xác định ngày tháng năm sinh của anh D, chị H1*: Tại lời khai anh D, chị H1 đều xác định ngày tháng năm sinh đúng của anh D là ngày 28/10/1975 và ngày tháng năm sinh đúng của chị H1 là ngày 17/6/1975. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn do anh D chưa đủ tuổi kết hôn nên đã khai tăng tuổi. Cụ thể: Anh D khai sinh vào tháng 02/1974.

Trên cơ sở các giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh) của anh D, căn cứ Biên bản xác minh thông tin do UBND phường T cung cấp, có đủ cơ sở xác định ngày tháng năm sinh đúng của anh Lê Văn D là ngày 28/10/1975.

- *Xác định điều kiện kết hôn*: Anh Lê Văn D, sinh ngày 28/10/1975 đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Kim Môn vào ngày 27/3/1994. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Lê Văn D có độ tuổi là: 18 tuổi, 04 tháng, 29 ngày. Căn cứ Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 thì việc kết hôn giữa anh Lê Văn D và chị Nguyễn Thị H1 đã vi phạm về độ tuổi.

Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh D thì thấy: Anh D, chị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, anh D, chị H1 đều xác định chung sống hòa thuận, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã có hai con và tài sản chung; quá trình giải quyết việc dân sự, anh D, chị H1 đều yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh D, chị H1 khi đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ: Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn D và Nguyễn Thị H1 kể từ thời điểm anh Lê Văn D đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 29/10/1994.

Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 149, khoản 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao -Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của anh Lê Văn D. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Lê Văn D, sinh ngày 28/10/1975 và chị Nguyễn Thị H1, sinh ngày 17/6/1975 kể từ thời điểm anh Lê Văn D đủ tuổi kết hôn, kể từ ngày 29/10/1994.

2. *Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:* Anh Lê Văn D phải chịu 300.000đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2020/0001491 ngày 24/10/2022. Anh Lê Văn D đã thực hiện xong nghĩa vụ về lệ phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. UBND phường T được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- UBND phường T, thị xã M;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trần Văn Khánh